

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 5025/QĐ-ĐHDT ngày 11 tháng 11 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Duy Tân)

Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Điều dưỡng
Mã ngành: 7720301
Chuyên ngành: Điều dưỡng đa khoa
Mã chuyên ngành: 302
Hình thức đào tạo: Chính quy tập trung
Phương thức đào tạo: Chính quy tập trung
Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Cử nhân ngành Điều dưỡng có phẩm chất đạo đức tốt; có kiến thức khoa học cơ bản cũng như kiến thức và kỹ năng về thực hành chuyên môn nghề nghiệp theo quy định y tế và pháp luật; có khả năng nghiên cứu khoa học, có trình độ ngoại ngữ, tin học, khả năng hoạt động nhóm và tự học; tham gia phối hợp trong công tác phòng, chữa bệnh và phục hồi sức khỏe nhân dân; hướng tới trở thành công dân toàn cầu, sáng tạo và có tinh thần khởi nghiệp trong lĩnh vực Điều dưỡng.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

- Có khả năng tổng hợp và vận dụng những kiến thức nghề nghiệp về khoa học cơ bản, khoa học sức khỏe, các quy định pháp luật và đạo đức nghề nghiệp để đáp ứng được những nhu cầu chăm sóc cho người bệnh, gia đình và cộng đồng.
- Giải thích được cấu trúc, chức năng và sự phát triển bình thường về thể chất và tinh thần con người qua các giai đoạn phát triển trong mối tương tác với môi trường tự nhiên và xã hội.
- Phân tích được các nội dung căn bản trong quy trình chăm sóc điều dưỡng, quản lý điều dưỡng và an toàn người bệnh.
- Trình bày được các nguyên lý cơ bản về quản lý y tế và nội dung chính của các chương trình quốc gia trong lĩnh vực y tế.
- Phân tích được các khái niệm và nguyên lý cơ bản của dịch tễ học, các chỉ số sức khỏe chủ yếu, mối liên quan giữa các yếu tố nguy cơ và bệnh, dịch bệnh.
- Giải thích được vai trò và yếu tố nguy cơ của môi trường bệnh viện và cộng đồng đối với sức khỏe và các nguyên tắc phòng ngừa.

1.2.2. Kỹ năng

- Cung cấp dịch vụ chăm sóc có chất lượng, sử dụng thuốc hợp lý và an toàn, thực hiện hoạt động và phối hợp hiệu quả trong công tác dự phòng bệnh tật và nâng cao sức khỏe cho người dân.
- Thực hiện hiệu quả công tác sơ cấp cứu trong những tình huống khẩn cấp ở sơ sở y tế và cộng đồng, góp phần bảo vệ an toàn tính mạng cho người bệnh/nạn nhân.
- Ứng dụng các kỹ năng ngoại ngữ, tin học, thuyết trình, kỹ năng giao tiếp, hợp tác liên ngành, hoạt động nhóm và nghiên cứu khoa học hiệu quả trong quá trình học tập và thực hành chuyên môn nghiệp vụ và cải tiến, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe.

- Ứng dụng hiệu quả các nguồn thông tin truyền thông nhằm phục vụ cho công tác tư vấn, giáo dục sức khỏe phù hợp đến người bệnh, gia đình và cộng đồng.
- Thực hiện quản lý và sử dụng các nguồn lực, thời gian, trang thiết bị đúng quy định và hiệu quả.

1.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Hành nghề theo quy định của pháp luật.
- Hành nghề theo tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp.
- Hành nghề phù hợp với bối cảnh văn hóa xã hội và điều kiện thực tế.
- Học tập suốt đời cho phát triển cá nhân và nghề nghiệp.
- Sáng tạo và có tinh thần khởi nghiệp trong lĩnh vực Điều dưỡng

2. Chuẩn đầu ra

Cơ sở xây dựng:

- Hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo, theo Công văn số 2196/BGDĐT-GDDH;
- Chuẩn năng lực cơ bản của điều dưỡng Việt Nam, theo Quyết định số: 3474/QĐ-BYT ngày 28/12/2022.

2.1. Yêu cầu về kiến thức: Sinh viên có khả năng

TT	Nội dung yêu cầu	Lĩnh vực	Tiêu chuẩn/ Tiêu chí
a	Trình bày những kiến thức khoa học cơ bản, mô tả được cấu tạo, hoạt động và chức năng của cơ thể con người trong trạng thái bình thường và bệnh lý.	2	3/1 7/1
b	Phân tích được tác động qua lại giữa môi trường sống và sức khỏe con người; các biện pháp dự phòng, nâng cao sức khỏe và phục hồi chức năng cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.	2, 3	3/2,3,4 15/1,3,4,
c	Phân tích được các nội dung căn bản trong quy trình chăm sóc điều dưỡng, quản lý điều dưỡng và an toàn người bệnh.	2,3	4/1,2,3,4 12/1,2 15/2,6,7,8
d	Trình bày được đường lối hoạt động, các quy định pháp luật, chính sách của nhà nước trong công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe của cá nhân, gia đình và cộng đồng.	1	1/1

2.2. Yêu cầu về kỹ năng:

TT	Nội dung yêu cầu	Lĩnh vực	Tiêu chuẩn/ Tiêu chí
Kỹ năng cứng			
e	Thiết lập và thực hiện quy trình chăm sóc toàn diện, thực hiện thành thạo các kỹ thuật chăm sóc điều dưỡng, sử dụng thuốc an toàn và hiệu quả, có khả năng vận hành và bảo quản tốt trang thiết bị máy móc phục vụ trong công tác chăm sóc.	2,3	5/1,2,5 6/1,2,3,4 7/2,3,4 8/1,2,3 11/1,2,3,4,5, 6,7 13/1,2 14/2 15/7,8

f	Thực hiện kịp thời sơ cứu, cấp cứu ban đầu các trường hợp tai nạn, thương vong.	2	9/1,2
g	Nghiên cứu khoa học và thực hành dựa vào bằng chứng.	4	17/1,2,3
Kỹ năng mềm			
h	Giao tiếp hiệu quả, thể hiện sự hiểu biết về văn hóa và tín ngưỡng với người bệnh, gia đình, đồng nghiệp, cộng đồng. Hợp tác liên ngành và làm việc nhóm hiệu quả.	2,3	10/1,2,3 14/1,3,4,5
i	- Tin học: có 1 trong những chứng chỉ sau. + Chứng chỉ kỹ thuật viên tin học/ ứng dụng CNTT nâng cao. + Chứng chỉ MOS/ Chứng nhận IP/AP/FE do Bộ KH và CN cấp. Ngoại ngữ: có 1 trong những chứng chỉ sau. + Tiếng Anh: Trình độ Tiếng Anh tương đương với trình độ B1 hoặc các trình độ khác tương ứng bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ quốc gia. Có khả năng giao tiếp thông thường và khai thác sử dụng được các tài liệu chuyên ngành. + Tiếng Trung: HSK Cấp 2 + Tiếng Hàn: TOPII II + Tiếng Nhật: N5	5	19/1,2

2.3. Yêu cầu về năng lực tự chủ và trách nhiệm

TT	Nội dung yêu cầu	Lĩnh vực	Tiêu chuẩn/ tiêu chí
j	Hành nghề theo tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp, chịu trách nhiệm cá nhân về các quyết định chăm sóc và can thiệp điều dưỡng	1	2/1,2,3
k	Bảo đảm quyền lợi, tôn trọng người bệnh và tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe cho người bệnh. Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp.	1	1/2 5/3,4
l	Có ý thức phát triển nghề nghiệp, học tập liên tục và suốt đời để nâng cao năng lực bản thân. Tuân thủ các quy định thực hành nghề nghiệp theo luật pháp, chính sách nhà nước và các quy định của luật y tế.	1,5	1/3,4 18/1,2 19/3
m	Sáng tạo và có tinh thần khởi nghiệp trong lĩnh vực Điều dưỡng	4, 5	17/2 19/1,3

2.4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

- Điều dưỡng tại các cơ sở khám chữa bệnh, trung tâm chăm sóc sức khỏe, y tế học đường, các đơn vị y tế tại doanh nghiệp và cộng đồng.
- Giảng viên tại các cơ sở, trường đào tạo điều dưỡng.
- Tham gia vào đội ngũ cán bộ, quản lý, lãnh đạo, nghiên cứu điều dưỡng tại các Sở, Ban ngành, cơ quan, trung tâm và tổ chức y tế.

- Nhân viên y tế tại các viện dưỡng lão, các cơ sở chăm sóc sức khỏe ở nước ngoài như Nhật Bản, Đức...

2.5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Khi đủ điều kiện có thể tham gia các khoá đào tạo sau đại học chuyên ngành Điều dưỡng như Chuyên khoa I, Thạc sĩ, Tiến sĩ Điều dưỡng và một số chuyên ngành khác trong lĩnh vực khoa học sức khoẻ như: Y tế công cộng, Dinh dưỡng học, Tiết chế, Dịch tễ học, Kinh tế y tế, Quản lý bệnh viện trong và ngoài nước theo quy định hiện hành.

3. Thời gian đào tạo: 4 năm

4. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 140 tín chỉ (Không bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)

4.1. Tổng số tuần học và thi: Tối đa 160 tuần

4.2. Tổng số tuần thi: Theo quy chế của Bộ Giáo dục & Đào tạo (kể cả ôn tập)

Cụ thể:

STT	KHỐI LƯỢNG HỌC TẬP	TÍN CHỈ (*)	
		Tín chỉ	Tỷ lệ %
1	Giáo dục đại cương	52	37.1
	Bắt buộc	48	34.2
	Tự chọn	4	2.9
2	Giáo dục chuyên nghiệp	88	62.9
	Kiến thức đại cương ngành	37	26.4
	Kiến thức chuyên ngành	46	32.9
	Tốt nghiệp cuối khóa	5	3.6
	Tổng cộng	140	100

*01 Tín chỉ: Tương đương 15 giờ lý thuyết, 30 giờ thực hành tại các phòng thí nghiệm, 45 giờ thực tập tại bệnh viện.

5. Đối tượng tuyển sinh, chuẩn đầu vào:

Theo Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT về Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Và theo Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Duy Tân.

Theo Đề án tuyển sinh hàng năm của Trường (ban hành kèm Quyết định số 1243/QĐ-ĐHDT ngày 03/4/2023 về việc ban hành Đề án tuyển sinh trình độ Đại học hệ chính quy năm 2023).

Có 04 hình thức xét tuyển bao gồm:

1. Xét tuyển thẳng: theo quy chế tuyển sinh hiện hành của bộ GD&ĐT và Đề án tuyển sinh của trường.

2. Xét kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT.

3. Xét kết quả học tập (Học bạ) THPT theo một trong hai hình thức:

- Dựa vào kết quả học tập năm lớp 11 và học kỳ 1 năm lớp 12;

- Dựa vào kết quả học tập năm lớp 12;

4. Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh hoặc Đại học Quốc Gia Hà nội tổ chức năm 2023.

6. Điều kiện tốt nghiệp

Theo thông tư ban hành về “Quy chế đào tạo trình độ đại học” theo thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021.

Theo quy định về “Đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ” theo Quyết định số 3197/QĐ-ĐHDT ngày 07 tháng 09 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học

Duy Tân.

- Khóa luận tốt nghiệp hoặc Thi tốt nghiệp: 03 tín chỉ

❖ **Khóa luận tốt nghiệp (KLTN)**

- Xét điều kiện KLTN: Áp dụng cho những sinh viên đạt loại giỏi trở lên (có điểm trung bình tích lũy thang điểm 4 đạt ≥ 3.20) và không có học phần nào bị điểm F thì được Khoa đề nghị và Hiệu Trưởng xem xét cho thực hiện luận văn tốt nghiệp theo Quyết định số 43 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo và quy định của Trường. Tùy theo điều kiện thực tế, nhà trường sẽ quyết định số lượng sinh viên được làm khóa luận với tỷ lệ 10% đến 15% số SV của khóa học tính theo điểm trung bình tích lũy từ trên xuống.

- Thời gian thực hiện KLTN: 12 tuần.

❖ **Thi tốt nghiệp**

- Sinh viên sẽ học và thi một học phần tốt nghiệp tương đương 03 tín chỉ.

- Nội dung học phần Thi tốt nghiệp do Khoa xây dựng ngoài các học phần đã có trong Chương trình đào tạo. Đề cương học phần thi tốt nghiệp được nộp về Phòng Đào tạo để trình Hiệu trưởng duyệt.

- Thời gian học các môn thi tốt nghiệp theo lịch học Phòng Đào tạo bố trí.

- Điều kiện tham gia thi tốt nghiệp:

+ Điều kiện đủ: Sinh viên đủ điều kiện để xét tham gia các học phần Thi tốt nghiệp phải thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Sinh viên thuộc diện không nợ học phí;
- Không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- Tất cả các học phần trong chương trình đã hoàn thành;
- Có điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa học từ 2.00 trở lên (theo thang điểm 4).

+ Điều kiện xét vớt: Sinh viên thuộc diện xét vớt tham gia các học phần Thi Tốt nghiệp phải thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Sinh viên thuộc diện không nợ học phí;
- Không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- Có tổng số tín chỉ các học phần chưa hoàn thành (bị điểm F hoặc chưa học) tính đến thời điểm xét không quá 5% tổng số tín chỉ quá trình học tập;
- Không bị điểm F ở các học phần tiên quyết cho nội dung Thi tốt nghiệp.

❖ **Xét công nhận tốt nghiệp:**

- Sinh viên đủ các điều kiện sau đây thuộc diện xét công nhận tốt nghiệp.

- Cho đến thời điểm xét công nhận tốt nghiệp sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Sinh viên đã hoàn thành các học phần trong Chương trình đào tạo;
- Sinh viên đạt điểm tổng kết từ 5,5 điểm trở lên đối với các nội dung cuối khóa:
- Thực hành được khoa I, KLTN và các học phần Thi tốt nghiệp;
- Điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;
- Có Chứng chỉ giáo dục quốc phòng – an ninh và đã hoàn thành các học phần giáo dục thể chất theo quy định;
- Tiếng Anh và Tin học đạt chuẩn đầu ra theo quy định;
- Có điểm đánh giá rèn luyện toàn khóa đạt từ Trung bình trở lên.

7. Thang điểm

Theo thông tư ban hành về “Quy chế đào tạo trình độ đại học” theo thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021.

Theo quy định về “Đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ” theo Quyết định số 3197/QĐ-ĐHDT ngày 07 tháng 09 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Duy Tân.

Cụ thể: Bảng quy đổi các thang điểm và xếp loại điểm học phần

Xếp loại	Thang điểm 10		Thang điểm 10	Thang điểm 4
	Cận dưới	Cận trên		
<i>Giỏi</i>	9.5	10.0	A+	4.0
<i>Giỏi</i>	8.5	9.4	A	4.0
<i>Khá</i>	8.0	8.4	A-	3.65
<i>Khá</i>	7.5	7.9	B+	3.33
<i>Khá</i>	7.0	7.4	B	3.00
<i>Trung bình</i>	6.5	6.9	B-	2.65
<i>Trung bình</i>	6.0	6.4	C+	2.33
<i>Trung bình</i>	5.5	5.9	C	2.00
<i>Trung bình yếu</i>	4.5	5.4	C-	1.65
<i>Trung bình yếu</i>	4.0	4.4	D	1.00
<i>Kém</i>	0.0	3.9	F	0.0

8. Nội dung chương trình

8.1. Học phần đại cương

8.1.1. Học phần bắt buộc: Gồm 29 môn, 48 tín chỉ

STT	TÊN MÔN HỌC / HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Cụ thể
1.	Kinh tế chính trị Marx - Lenin	2	
2.	Triết học Marx - Lenin	3	
3.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	
4.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
5.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
6.	Phương pháp luận (gồm Nghiên cứu khoa học)	2	
7.	Nói & Trình Bày (tiếng Việt)	1	
8.	Viết (tiếng Việt)	1	
9.	Tin học ứng dụng	3	
10.	Reading - Level 1	1	
11.	Writing – Level 1	1	
12.	Listening - Level 1	1	
13.	Speaking - Level 1	1	
14.	Reading - Level 2	1	
15.	Writing – Level 2	1	
16.	Listening - Level 2	1	
17.	Speaking - Level 2	1	

18.	Reading - Level 3	1	
19.	Writing - Level3	1	
20.	Listening - Level 3	1	
21.	Speaking - Level 3	1	
22.	Hướng nghiệp 1	1	
23.	Hướng nghiệp 2	1	
24.	Toán cao cấp A1	3	2+1
25.	Vật lý đại cương 1	3	2+1
26.	Hóa học đại cương	3	2+1
27.	Sinh học đại cương	3	2+1
28.	Nhật ngữ sơ cấp 1	2	
29.	Nhật ngữ sơ cấp 2	2	

8.1.2. Học phần tự chọn: Gồm 2 môn, 4 tín chỉ

STT	TÊN MÔN HỌC / HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Cụ thể
1	Chọn 1 trong 5		
	Sức Khỏe Môi Trường	2	
	Lịch Sử Văn Minh Thế Giới 1	2	
	Lịch Sử Văn Minh Thế Giới 2	2	
	Lịch Sử Kiến Trúc Phương Tây	2	
	Lịch Sử Kiến Trúc Phương Đông & Việt Nam	2	
2	Chọn 1 trong 3		
	Đạo Đức trong Công Việc	2	
	Pháp Luật Đại Cương	2	
	Y Đức	2	

8.2. Học phần đại cương ngành

8.2.1. Học phần bắt buộc: Gồm 18 môn, 37 tín chỉ

STT	TÊN MÔN HỌC / HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Cụ thể
1	Hóa hữu cơ	3	2+1
2	Hóa sinh căn bản	3	2+1
3	Lý thuyết Xác suất & thống kê toán	3	2+1
4	Cơ sở di truyền học	1	
5	Giải phẫu học I	2	1+1
6	Giải phẫu học II	2	1+1
7	Mô phôi	2	1+1
8	Sinh lý học	3	2+1
9	Căn bản vi sinh học	3	2+1
10	Ký sinh trùng	1	
11	Sinh lý Bệnh - Miễn dịch	2	
12	Dược lý học cho Y	2	
13	Dịch tễ học	2	
14	Dinh dưỡng học	2	
15	Đại cương tâm lý học	3	
16	Tổ chức Y tế - Chương trình Y tế Quốc gia	1	
17	Dân số học - Kế hoạch hóa gia đình - Sức khỏe Gia đình	1	
18	Tranh tài giải pháp PBL 296	1	

8.3. Học phần chuyên ngành

8.3.1. Học phần bắt buộc: Gồm 22 môn, 46 tín chỉ

STT	TÊN MÔN HỌC / HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Cụ thể
1	Nội cơ sở 1	2	
2	Ngoại cơ sở 1	2	
3	Sản & Nhi cơ sở	2	
4	Điều dưỡng cơ bản 1	4	1+2+1
5	Điều dưỡng cơ bản 2	3	1+1+1
6	Phục hồi chức năng	2	1+1
7	Điều dưỡng cấp cứu hồi sức	2	1+1
8	Điều dưỡng nội 1	2	1+1
9	Điều dưỡng nội 2	2	1+1
10	Điều dưỡng ngoại 1	2	1+1
11	Điều dưỡng ngoại 2	2	1+1
12	Điều dưỡng cho Gia đình có trẻ con 1	2	1+1
13	Điều dưỡng cho Gia đình có trẻ con 2	2	1+1
14	Điều dưỡng cho gia đình có người Già 1	2	1+1
15	Điều dưỡng cho gia đình có người Già 2	2	1+1
16	Điều dưỡng chuyên khoa hệ nội	2	
17	Điều dưỡng chuyên khoa hệ ngoại	2	
18	Quản lý điều dưỡng	2	
19	Y học cổ truyền	2	1+1
20	Tiết chế	1	
21	Tranh tài giải pháp PBL 396	1	
22	Thực tập điều dưỡng I	3	

8.4. Tốt nghiệp cuối khóa:**8.4.1. Học phần bắt buộc: Gồm 1 môn, 2 tín chỉ**

STT	TÊN MÔN HỌC / HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Cụ thể
1	Thực tập tốt nghiệp	2	

8.4.2. Học phần tự chọn: Gồm 1 môn, 3 tín chỉ

STT	TÊN MÔN HỌC / HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Cụ thể
1	Chọn 1 trong 2		
	Thi tốt nghiệp	3	
	Khóa luận tốt nghiệp	3	

9. Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra và các học phần

STT	Mã học phần		Tên học phần	Số Tín chỉ	Chuẩn đầu ra													Ghi chú
	Chữ	Số			a	b	c	d	e	f	g	h	i	j	k	l	m	
1	POS	151	Kinh tế chính trị Marx-Lenin	2				x										
2	PHI	150	Triết học Marx - Lenin	3				x										
3	HIS	362	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2				x										
4	POS	351	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2				x										
5	POS	361	Tư Tưởng Hồ Chí Minh	2				x										
6	PHI	100	Phương Pháp Luận (gồm Nghiên Cứu Khoa Học)	2	x						x							
7	COM	141	Nói & Trình Bày (tiếng Việt)	1								x						
8	COM	142	Viết (tiếng Việt)	1												x		
9	CS	201	Tin Học Ứng Dụng	3									x					
10	ENG	116	Reading - Level 1	1									x					
11	ENG	117	Writing - Level 1	1									x					
12	ENG	118	Listening - Level 1	1									x					

STT	Mã học phần		Tên học phần	Số Tín chỉ	Chuẩn đầu ra													Ghi chú												
	Chữ	Số			a	b	c	d	e	f	g	h	i	j	k	l	m													
13	ENG	119	Speaking - Level 1	1																x										
14	ENG	166	Reading - Level 2	1																x										
15	ENG	167	Writing - Level 2	1																x										
16	ENG	168	Listening - Level 2	1																x										
17	ENG	169	Speaking - Level 2	1																x										
18	ENG	216	Reading - Level 3	1																x										
19	ENG	217	Writing - Level 3	1																x										
20	ENG	218	Listening - Level 3	1																x										
21	ENG	219	Speaking - Level 3	1																x										
22	DTE-NUR	102	Hướng Nghiệp 1	1																	x		x	x	x					
23	DTE-NUR	152	Hướng Nghiệp 2	1		x	x	x														x	x	x						
24	MTH	103	Toán Cao Cấp A1	3	x																									
25	PHY	101	Vật Lý Đại Cương	3	x																									
26	CHE	101	Hóa Học Đại Cương	3	x																									
27	BIO	101	Sinh Học Đại Cương	3	x																									
28	JAP	101	Nhật ngữ sơ cấp 1	2																										
29	JAP	117	Nhật ngữ sơ cấp 2	2																										
30	EVR	205	Sức Khỏe Môi Trường	2		x																								
31	HIS	221	Lịch Sử Văn Minh Thế Giới 1	2	x																									

STT	Mã học phần		Tên học phần	Số Tín chỉ	Chuẩn đầu ra												Ghi chú
	Chữ	Số			a	b	c	d	e	f	g	h	i	j	k	l	
32	HIS	222	Lịch Sử Văn Minh Thế Giới 2	2	x												
33	AHI	392	Lịch Sử Kiến Trúc Phương Tây	2	x												
34	AHI	391	Lịch Sử Kiến Trúc Phương Đông	2	x												
35	MED	268	Y Đức	2				x				x		x	x	x	
36	DTE	201	Đạo đức trong Công việc	2				x						x			
37	LAW	201	Pháp Luật Đại Cương	2				x								x	
38	CHE	203	Hóa Hữu Cơ	3	x												
39	BCH	201	Hóa Sinh Căn Bản	3	x												
40	STA	151	Lý Thuyết Xác Suất & Thống Kê Toán	3	x							x					
41	BIO	220	Cơ Sở Di Truyền Học	1	x												
42	ANA	201	Giải Phẫu học 1	2	x												
43	ANA	202	Giải Phẫu học 2	2	x												
44	ANA	203	Mô Phôi	2	x												
45	BIO	213	Sinh Lý Học	3	x												
46	MIB	251	Căn Bản Vi Sinh Học	3	x												

STT	Mã học phần		Tên học phần	Số Tín chỉ	Chuẩn đầu ra													Ghi chú
	Chữ	Số			a	b	c	d	e	f	g	h	i	j	k	l	m	
47	MIB	253	Kỹ Sinh Trùng	1	x													
48	IMN	250	Sinh Lý Bệnh - Miễn Dịch	2	x													
49	PMY	300	Dược Lý Học cho Y	2	X		x		x									
50	SPM	302	Dịch Tễ Học	2		x												
51	NTR	151	Dinh Dưỡng Học	2		x	x		x									
52	PSY	151	Đại Cương Tâm Lý Học	3	x	x						x				x		
53	SPM	413	Tổ Chức Y Tế - Chương Trình Y Tế Quốc Gia	1		x	x	x										
54	SOC	323	Dân Số Học - Kế Hoạch Hóa Gia Đình - Sức Khỏe Gia Đình	1		x		x										
55	NUR	296	Tranh Tài Giải Pháp PBL	1								x						x
56	IMD	251	Nội Cơ Sở 1	2	x													
57	SUR	251	Ngoại Cơ Sở 1	2	x													
58	MCH	250	Sản & Nhi Cơ Sở	2	x													
59	NUR	251	Điều Dưỡng Cơ Bản 1	4		x	x		x	x	x	x	x	x	x	x		

STT	Mã học phần		Tên học phần	Số Tín chỉ	Chuẩn đầu ra													Ghi chú
	Chữ	Số			a	b	c	d	e	f	g	h	i	j	k	l	m	
60	NUR	300	Điều Dưỡng Cơ Bản 2	3		x	x		x	x	x	x	x	x	x			
61	REM	400	Phục Hồi Chức Năng	2		x	x		x			x		x	x	x		
62	NUR	313	Điều Dưỡng Cấp Cứu - Hồi Sức	2		x	x		x			x		x	x	x		
63	NUR	302	Điều Dưỡng Nội 1	2		x	x		x			x		x	x	x		
64	NUR	402	Điều Dưỡng Nội 2	2	x	x	x		x			x		x	x	x		
65	NUR	303	Điều Dưỡng Ngoại 1	2		x	x		x			x		x	x	x		
66	NUR	403	Điều Dưỡng Ngoại 2	2		x	x		x			x		x	x	x		
67	NUR	305	Điều Dưỡng cho gia đình có trẻ con 1	2		x	x		x			x		x	x	x		
68	NUR	405	Điều Dưỡng cho gia đình có trẻ con 2	2		x	x		x			x		x	x	x		
69	NUR	306	Điều dưỡng cho gia đình có người già 1	2		x	x		x			x		x	x	x		
70	NUR	406	Điều Dưỡng cho gia đình có người già 2	2		x	x		x			x		x	x	x		

STT	Mã học phần		Tên học phần	Số Tín chỉ	Chuẩn đầu ra													Ghi chú
	Chữ	Số			a	b	c	d	e	f	g	h	i	j	k	l	m	
71	NUR	423	Điều Dưỡng Chuyên Khoa Hệ Nội	2	x		x		x	x		x					x	
72	NUR	433	Điều Dưỡng Chuyên Khoa Hệ Ngoại	2	x	x	x		x			x						x
73	MGT	433	Quản Lý Điều Dưỡng	2			x	x	x		x	x	x					x
74	MED	362	Y Học Cổ Truyền	2		x	x		x			x		x	x	x		
75	NTR	413	Tiết chế	1		x	x		x									
76	NUR	396	Tranh Tài Giải Pháp PBL	1							x	x	x				x	x
77	NUR	248	Thực Tập Điều Dưỡng I	3		x	x		x	x	x	x		x	x	x		
78	NUR	498	Thực Tập tốt nghiệp	2		x	x		x	x	x	x		x	x	x		
79	NUR	495	Thi TN	3	x	x	x		x	x	x	x		x	x	x		
80	NUR	499	KLTN	3	x		x				x	x	x	x				
Tổng				140	7	5	5	2	4	1	2	5	3	4	4	5	2	
					0	2	3	2	8	7	3	6	2	6	4	1		

10. Đề cương chi tiết các học phần

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
1	POS 151	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	Môn học này cung cấp những tri thức cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác-lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới hiện nay. Như vấn đề hàng hóa thị trường vai trò của các chủ thể kinh tế trong nền kinh tế thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, Hiện đại hóa và hội nhập kinh tế của Việt Nam.	Khoa Lý luận chính trị

2	PHI 150	Triết học Mác – Lênin	3	<p>Môn Triết học Mác - Lênin là môn học nghiên cứu về quá trình hình thành, bổ sung, phát triển triết học Mác _ Lênin gắn liền với lịch sử và vai trò của Các Mác, Ăngghen, Lênin: là những kiến thức triết học cơ bản về Chủ nghĩa duy vật biện chứng, Phép biện chứng duy vật và Chủ nghĩa duy vật lịch sử; Là khoa học về sự vận động và phát triển của thế giới, về vai trò của con người trong việc cải tạo thế giới; về những vấn đề mang tính quy luật trong tư duy và xã hội. Môn học này góp phần hình thành thế giới quan, phương pháp luận khoa học, là cơ sở để luận giải thực tiễn và xu hướng xã hội.</p>	Khoa Lý luận chính trị
3	HIS 362	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	<p>Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930- 1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.</p>	Khoa Lý luận chính trị
4	POS 351	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2	<p>Môn Chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong ba bộ phận hợp thành Chủ nghĩa Mác – Lênin. Dựa vào cơ sở lý luận của triết học và kinh tế chính trị học Mác -Lênin, chủ nghĩa xã hội khoa học luận giải sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; quá trình nảy sinh cách mạng xã hội chủ nghĩa; quá trình hình thành và phát triển hình thái kinh tế-xã hội cộng sản chủ nghĩa cùng những vấn đề chính trị - xã hội nảy sinh trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong chủ nghĩa xã hội khoa học, “giai cấp công nhân”, “sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân”, “dân chủ xã hội chủ nghĩa”, “đảng cộng sản” là</p>	Khoa Lý luận chính trị

				những phạm trù cơ bản nhất.	
5	POS 361	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Môn tư tưởng Hồ Chí Minh ngoài chương mở đầu giới thiệu đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh, nội dung môn học gồm 7 chương: chương I trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương II đến chương VII trình bày những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh về quá trình vận động, phát triển cách mạng Việt Nam.	Khoa Lý luận chính trị
6	PHI 100	Phương pháp luận	2	Thu thập thông tin, suy nghĩ và ra quyết định là những hoạt động thường nhật của mỗi người. Tuy nhiên, ngoại trừ với những quyết định lớn, người ta thường xem thường các phương pháp liên quan để tiếp cận quyết định sau cùng. Đến lúc phải đối mặt với những vấn đề hay quyết định lớn, người ta thường tỏ ra thiếu chuẩn bị. Học phần này vì vậy tập trung giới thiệu và thảo luận một số phương pháp thông dụng trong thu thập thông tin chính xác, suy nghĩ phê phán và ra quyết định một cách có hiệu quả. Người học được khuyến khích tự do tham gia thảo luận và đóng góp ý kiến của bản thân vì đây thật sự là những chủ đề mang tính “mở”.	Khoa Lý luận chính trị
7	COM 141	Nói & trình bày (tiếng Việt)	1	Kỹ năng giao tiếp, đặc biệt là kỹ năng trình bày trước công chúng, là một yêu cầu quan trọng trong cuộc sống. Bài trình bày hiệu quả giúp kết nối các cá nhân với nhau. Do vậy, việc sinh viên được học cách thể hiện ý tưởng của mình với các nhóm khán giả khác nhau thông qua việc sử dụng ngôn ngữ cơ thể hiệu quả, nắm bắt phản ứng của khán giả, bảo vệ và tranh luận cho quan điểm của mình theo hướng tích cực là hết sức quan trọng. Sinh viên trong khóa học này sẽ được học các loại bài phát biểu khác nhau như bài phổ biến thông tin, bài phát biểu thuyết phục, bài phát biểu tranh luận.	Khoa Khoa học Xã hội & Nhân văn
8	COM 142	Viết (tiếng Việt)	1	Viết (tiếng Việt) là học phần thuộc khối kiến thức bổ trợ nhằm cung cấp cho sinh viên kỹ năng viết, hỗ trợ trong học tập và công tác sau này. Sinh viên có khả năng thể hiện ý tưởng của mình một cách rõ ràng và súc tích bằng các loại văn bản khác nhau. Trong khóa học này, sinh viên sẽ tìm hiểu về các dạng bài luận luận chính của đại học	Khoa Khoa học Xã hội & Nhân văn

				<p>bao gồm bài luận nguyên nhân – kết quả, bài tranh luận/ thuyết phục, bài luận phân loại và bài luận so sánh-đối chiếu. Họ cũng sẽ có cơ hội tìm hiểu về các phong cách viết văn bản văn phòng và kinh doanh khác nhau như các bản ghi nhớ, email, thư, các kiến nghị chính thức, v.v.</p>	
9	CS 201	Tin học ứng dụng	3	<p>Môn học bao gồm 4 phần: MS Winword, MS Excel, MS Powerpoint và Kỹ thuật số. Học phần MS Winword giúp sinh viên thực hiện được các kỹ thuật soạn thảo và định dạng văn bản đạt chuẩn quốc tế do hãng Microsoft đề xuất. Học phần MS Excel giúp sinh viên soạn thảo và thực hiện được công thức để hoàn thành bảng tính của các loại nghiệp vụ trong thực tế. Học phần MS Powerpoint giúp sinh viên thực hiện được các kỹ thuật soạn thảo và tạo hiệu ứng bản trình chiếu cho các chủ đề báo cáo trong học tập và công việc. Học phần Kỹ thuật số giúp sinh viên nhận biết và thực hành được một số kỹ năng số cho công việc.</p>	Khoa công nghệ thông tin
10	ENG 116	Reading - Level 1	1	<p>Các thì cơ bản trong tiếng Anh, các kiến thức về chức năng của danh từ, hậu tố của danh từ, vị trí của danh từ, các loại danh từ, các dạng bài đọc và các chiến lược làm bài trong các bài thi đọc hiểu của TOEIC như câu hỏi ý chính, câu hỏi thông tin, câu hỏi đúng sai, câu hỏi suy luận, câu hỏi về từ đồng nghĩa.</p>	Khoa Ngoại ngữ
11	ENG 117	Writing - Level 1	1	<p>Môn học này cung cấp các kiến thức sau: Các mẫu câu cơ bản của câu đơn, cấu trúc và ngôn ngữ cơ bản của một email thương mại và phản hồi lại thư yêu cầu, các dạng bài luận, cấu trúc một bài luận và câu luận điểm của bài luận.</p>	Khoa Ngoại ngữ
12	ENG 118	Listening - Level 1	1	<p>Môn học này cung cấp những nội dung sau: Các cách diễn đạt liên quan đến ngoại hình, hành động, đồ vật, loài vật, thiên nhiên, vị trí, dịch vụ khách sạn, các vấn đề sức khỏe, các nơi chốn và nghề nghiệp; Các loại câu hỏi với Wh và Có/Không; Các dạng bài tập Nghe TOEIC bao gồm Mô tả tranh, Hỏi-Đáp và Hội thoại ngắn.</p>	Khoa Ngoại ngữ
13	ENG 119	Speaking - Level 1	2	<p>Môn học này cung cấp những nội dung sau: Các âm, trọng âm của từ và ngữ điệu trong Tiếng Anh; Thi hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn, cấu trúc there is/are, các giới từ phổ</p>	Khoa Ngoại ngữ

				<p>biến để mô tả địa điểm; Các loại tranh liên quan đến mua sắm, sự kiện, văn phòng, hoạt động trong thời gian rỗi; Các loại câu hỏi, thông tin được yêu cầu và các cấu trúc có thể dùng để trả lời cho các câu hỏi đó; Các câu hỏi về sở thích, công việc và văn phòng, phỏng vấn; Các văn bản thông tin bao gồm lịch trình sự kiện, lịch hội nghị, lộ trình; Các dạng bài tập Nói TOEIC bao gồm Đọc lớn một đoạn văn, Mô tả tranh, Trả lời câu hỏi, Trả lời câu hỏi dựa vào thông tin cho sẵn.</p>	
14	ENG 166	Reading - Level 2	2	<p>Môn học này cung cấp các kiến thức sau: Sự hòa hợp giữa chủ ngữ và động từ; Tính từ và trạng từ; Các dạng bài đọc và các chiến lược đọc bài cho mỗi loại trong bài thi TOEIC Reading.</p>	Khoa Ngoại ngữ
15	ENG 167	Writing - Level 2	1	<p>Môn học này cung cấp các kiến thức sau: Câu ghép và mệnh đề trạng ngữ nhằm để viết mô tả tranh dựa trên các từ gợi ý cho sẵn; Ngôn ngữ để giải thích vấn đề, đưa ra yêu cầu và đề nghị, đưa ra mệnh lệnh và mệnh lệnh lịch sự trong viết e-mail phản hồi; Câu chủ đề, từ nối giữa các ý chính và dàn ý của bài luận trình bày quan điểm.</p>	Khoa Ngoại ngữ
16	ENG 168	Listening - Level 2	1	<p>Môn học này cung cấp những nội dung sau: Các từ vựng phổ biến liên quan đến đời sống hằng ngày và các công việc văn phòng; Các cấu trúc diễn tả hành động hoặc vị trí; Các dạng câu hỏi với Who/Where/When/Why/What; Các dạng bài tập Nghe TOEIC bao gồm Mô tả tranh, Hỏi-Đáp, Hội thoại ngắn và Bài nói ngắn.</p>	Khoa Ngoại ngữ
17	ENG 169	Speaking - Level 2	1	<p>Môn học này cung cấp những nội dung sau: Các từ và âm dễ nhầm lẫn, trọng âm và ngữ điệu trong Tiếng Anh; Trật tự của tính từ, động từ khiếm khuyết; Các cấu trúc và từ vựng để mô tả nơi chốn, ngoại hình, cảm xúc; Câu hỏi với Who/What/Which/Where/When/Why/How và các câu trả lời có thể có; Các cách diễn đạt phổ biến về khoảng thời gian, tần suất, số lượng, hỗ trợ một quan điểm, đưa ra lý do; Từ vựng liên quan đến công việc, phòng ban, nơi chốn, cụm từ chỉ thời gian, tiền bạc, các con số; Các loại tranh về người, vật thể và cảnh; Các loại câu hỏi phỏng vấn thông thường, câu hỏi về giải trí và thực phẩm; Các văn bản thông tin như quảng cáo,</p>	Khoa Ngoại ngữ

				memo, lịch trình sự kiện, lịch hội nghị, lộ trình; Các dạng bài tập Nói TOEIC bao gồm Đọc lớn một đoạn văn, Mô tả tranh, Trả lời câu hỏi, Trả lời câu hỏi dựa vào thông tin cho sẵn.	
18	ENG 216	Reading - Level 3	1	Môn học này cung cấp các kiến thức sau: Chức năng của To-infinitive và Gerund, các động từ theo sau To-infinitive và Gerund; Các hình thức so sánh của tính từ và trạng từ; Các thể loại bài đọc như Bảng thông tin, Thư mời, Hoá đơn, Lịch trình và Bảng điều tra.	Khoa Ngoại ngữ
19	ENG 217	Writing - Level3	1	Môn học này cung cấp những kiến thức sau: Mệnh đề tính từ, mệnh đề danh từ và thể bị động; Ngôn ngữ để đưa ra lời hướng dẫn và chỉ đường, đưa ra lời yêu cầu và trả lời yêu cầu trong viết e-mail phản hồi; Viết một đoạn mở bài hoàn chỉnh, phát triển ý bằng cách đưa ra các lý do và ví dụ của bài luận trình bày quan điểm.	Khoa Ngoại ngữ
20	ENG 218	Listening - Level 3	1	Môn học này cung cấp những nội dung sau: Các từ vựng phổ biến liên quan đến giao thông, trang thiết bị, dụng cụ, giá cả, thời tiết, công việc; Các cụm giới từ phổ biến; Hình thức của động từ gồm Quá khứ phân từ và V-ing; Các cấu trúc câu hỏi với What/ Who/ When/ How; Be/ Do/ Have/ Can/ Could/ Will/ Would/ Should/ May và các câu trả lời có thể được cho những câu hỏi này; Các dạng bài tập Nghe TOEIC bao gồm Mô tả tranh, Hỏi-Đáp, Hội thoại ngắn và Bài nói ngắn.	Khoa Ngoại ngữ
21	ENG 219	Speaking - Level 3	1	Môn học này cung cấp những nội dung sau: Tính mạch lạc trong câu, hình thức so sánh; Các cụm từ thường được sử dụng trong đời sống hằng ngày và tại nơi làm việc; Các loại tin nhắn thoại và các cụm từ thường dùng; Cách diễn đạt xin lỗi, hiểu rõ vấn đề, đưa ra lý do, đề xuất giải pháp; Các cụm từ phổ biến để bày tỏ quan điểm; Các chủ đề phổ biến về bày tỏ quan điểm; Các dạng bài tập Nói TOEIC bao gồm Mô tả tranh, Trả lời câu hỏi, Trả lời câu hỏi dựa vào thông tin cho sẵn, Đề xuất một giải pháp, và Trình bày một quan điểm.	Khoa Ngoại ngữ
22	DTE-NUR 102	Hướng Nghiệp 1	1	Môn học Hướng nghiệp 1 cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về môi trường học tập đại học, phần mềm quản lý học tập,	Khoa Điều dưỡng

				những qui chế liên quan đến quá trình học tập, thi cử, tốt nghiệp cũng như những qui định của Nhà trường trong 4 năm học tại Trường Đại học Duy Tân. Hướng Nghiệp 1 đồng thời hướng dẫn cho sinh viên phương pháp học đại học; cung cấp những thông tin hướng nghiệp giúp sinh viên xây dựng mục tiêu, phương pháp và kế hoạch học tập hiệu quả.	
23	DTE-NUR 152	Hướng Nghiệp 2	1	Môn học Hướng Nghiệp 2 cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kỹ năng cá nhân như quản lý tài chính, thời gian; kỹ năng học tập trong môi trường đại học như kỹ năng làm việc nhóm, viết báo cáo. Hướng Nghiệp 2 đồng thời giới thiệu vai trò, nhiệm vụ của Điều dưỡng viên cũng như các quy định pháp lý đối với ngành Điều dưỡng.	Khoa Điều dưỡng
24	MTH 103	Toán Cao Cấp A1	3	Môn học này trình bày những nội dung cơ bản về: Kiến thức về hàm số một biến, giới hạn và tính liên tục của hàm một biến; Kiến thức về đạo hàm và các ứng dụng của đạo hàm của hàm một biến; Kiến thức về tích phân hàm một biến và các ứng dụng của tích phân; Kiến thức cơ bản về phương trình vi phân và các mô hình, ứng dụng của phương trình vi phân; Kiến thức về dãy số và chuỗi cùng các ứng dụng của chuỗi lũy thừa.	Khoa Môi trường và Khoa học tự nhiên
25	PHY 101	Vật Lý Đại Cương 1	3	Môn học này cung cấp kiến thức cơ bản về chuyển động cơ học, năng lượng cơ học và cơ học chất lưu. Tất cả các vấn đề trên được áp dụng vào các bài toán thực tiễn trong đời sống cũng như các lĩnh vực khoa học kỹ thuật, công nghệ... Bên cạnh đó, các bài thí nghiệm được bố trí song hành giúp sinh viên hiểu rõ bản chất cũng như giải thích hiện tượng, tính toán và đo đạc các đại lượng liên quan.	Khoa Môi trường và Khoa học tự nhiên
26	CHE 101	Hóa Học Đại Cương	3	Hóa học đại cương cung cấp những kiến thức cơ bản về: Nhiệt động hóa học - Nhiệt hóa học, chiều và giới hạn của quá trình hóa học, động hóa học, cân bằng hóa học, dung dịch, dung dịch điện li, điện hóa học.	Khoa Môi trường và Khoa học tự nhiên
27	BIO 101	Sinh Học Đại Cương	3	Sinh học đại cương cung cấp những kiến thức cơ bản về: Sinh học tế bào, Sự trao đổi chất và năng lượng trong tế bào, Di truyền và biến dị, Nguồn gốc sự sống và đa dạng sinh học.	Khoa Môi trường và Khoa học tự nhiên

28	JAP 101	Nhật ngữ sơ cấp 1	2	Môn học này cung cấp những kiến thức cơ bản về tiếng Nhật, đó là viết các loại chữ Hiragana, Katakana, cách phát âm đúng các âm cơ bản. Các bài học với hình ảnh sinh động trang bị hơn 260 từ vựng và 12 cấu trúc ngữ pháp cùng các mẫu câu giao tiếp cơ bản. Sinh viên sẽ được học các nội dung liên quan đến các chủ đề như chào hỏi, giới thiệu bản thân, sinh hoạt hàng ngày, v.v.	Khoa Tiếng Nhật
29	JAP 102	Nhật ngữ sơ cấp 2	2	Môn Nhật ngữ sơ cấp 2 cung cấp cho sinh viên hơn 400 từ vựng, 70 chữ hán, 30 cấu trúc ngữ pháp cùng các mẫu câu giao tiếp ngắn và rèn luyện 4 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết ở trình độ sơ cấp kỳ đầu (bậc 1 KNLNNVN). Sinh viên sẽ được học những nội dung liên quan đến các chủ đề như mô tả cuộc sống hàng ngày, hỏi về thời tiết v.v.	Khoa Tiếng Nhật
30	EVR 205	Sức Khỏe Môi Trường	2	Môn học này trang bị cho sinh viên cái nhìn tổng quan về lĩnh vực khoa học môi trường đồng thời truyền đạt những thông tin thiết thực nhất về sự tác động của sức khỏe môi trường đến cuộc sống của con người, sự cần thiết của việc kiểm soát các yếu tố độc hại trong môi trường tự nhiên. Từ đó đưa ra các phương pháp kiểm soát các tác nhân gây bệnh, lập kế hoạch môi trường với mục tiêu cải thiện chất lượng sống cho con người bằng cách xây dựng một xã hội bền vững.	Khoa Môi trường và Khoa học tự nhiên
31	HIS 221	Lịch Sử Văn Minh Thế Giới 1	2	Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về quá trình ra đời và phát triển của các nền văn minh tiêu biểu trong thời kỳ Cổ đại. Nội dung của mỗi chương sẽ làm rõ những điều kiện hình thành nền văn minh, giới thiệu trình độ phát triển kinh tế và phân hóa xã hội, những thành tựu về văn hóa vật chất và tinh thần của một số nền văn minh cổ đại bao gồm Lưỡng Hà, Ai Cập, Ấn Độ, Trung Quốc, Hy Lạp và La Mã.	Khoa Khoa học Xã hội & Nhân văn
32	HIS 222	Lịch Sử Văn Minh Thế Giới 2	2	Lịch sử văn minh thế giới 2 tóm tắt lại những sự kiện lịch sử và những phát triển khoa học kỹ thuật của văn minh nhân loại từ năm 1750 cho đến nay. Môn học cung cấp cho người học những kiến thức tổng quan về phát triển xã hội cận hiện đại như sự chuyển biến từ chế độ phong kiến sang chế độ tư bản, các cuộc phát kiến địa lý và những cuộc cách mạng công nghiệp trên thế	Khoa Khoa học Xã hội & Nhân văn

				giới. Những cuộc phát kiến địa lý và những con đường mới đến châu Á bằng đường thủy đã thúc đẩy văn minh châu Âu trên khắp thế giới nhưng chỉ là lớp “vener” mỏng cho các nền văn minh địa phương lâu đời.	
33	AHI 392	Lịch Sử Kiến Trúc Phương Tây	2	Lịch sử kiến trúc phương Tây là môn cung cấp những kiến thức nổi bật về quá trình phát triển của các nền kiến trúc phương Tây dưới sự tác động có tính quyết định của các nhân tố tự nhiên như hoàn cảnh địa lý, khí hậu, địa hình địa chất, vật liệu xây dựng... và hoàn cảnh xã hội lịch sử, chế độ chính trị, tôn giáo... từ thời kỳ tiền sử đến đương đại.	Khoa Kiến trúc
34	AHI 391	Lịch Sử Kiến Trúc Phương Đông	2	Môn học này cung cấp cho sinh viên quá trình phát triển của các nền kiến trúc thế giới từ cổ đại đến hiện đại. Mục đích của môn học giúp sinh viên nắm bắt những đặc trưng của các nền kiến trúc trên thế giới.	Khoa Kiến trúc
35	MED 268	Y Đức	2	Môn học Y đức trang bị cho sinh viên khối ngành khoa học sức khỏe về các khái niệm cơ bản về tâm lý y học; Đạo đức y học; Đạo đức trong nghiên cứu y sinh. Qua đó, trang bị cho sinh viên ngành khoa học sức khỏe kiến thức, kỹ năng, thái độ khách quan, khoa học cần có khi hành nghề trong tương lai.	Khoa Y
36	DTE 201	Đạo đức trong Công việc	2	Môn học này cung cấp các kiến thức nền tảng cho mỗi cá nhân về đạo đức trong công việc, trách nhiệm xã hội của công ty và quyền lợi của người lao động. Mục đích của khóa học nhằm giúp người học hiểu các quan điểm về đạo đức, nhấn mạnh đến phương pháp ra quyết định đạo đức cho cá nhân trong công việc để hướng đến một môi trường sống và làm việc ngày càng tốt hơn.	Khoa Kinh tế - tài chính
37	LAW 201	Pháp Luật Đại Cương	2	Môn học này cung cấp cho sinh viên tất cả những kiến thức cơ bản về những kiến thức lý luận cơ bản nhất về Nhà nước và pháp luật nói chung, nhà nước và pháp luật xã hội chủ nghĩa nói riêng. Từ đó giúp cho sinh viên có nhận thức, quan điểm đúng đắn về đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Đồng thời, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống pháp luật Việt Nam và một số ngành luật cụ	Khoa Luật

				thể, giúp cho sinh viên hiểu biết hơn về pháp luật để vận dụng vào thực tiễn cuộc sống.	
38	CHE 203	Hóa Hữu Cơ	3	Hóa hữu cơ cung cấp những kiến thức cơ bản về: Cơ sở lý thuyết Hóa hữu cơ: Kiến thức Đại cương, Sự hình thành liên kết trong Hóa hữu cơ, Hiệu ứng điện tử, Đồng phân và cấu dạng, Cơ chế phản ứng Hữu cơ; Các Hợp chất hữu cơ cơ bản: Hydrocacbon, Dẫn xuất Halogen, Hợp chất cơ nguyên tố, Ancol, Phenol, Ete, Andehit, Xeton, Axit cacboxylic và Dẫn chất.	Khoa Môi trường và Khoa học tự nhiên
39	BCH 201	Hóa Sinh Căn Bản	3	Hóa sinh căn bản cung cấp cho sinh viên những kiến thức về thành phần cấu tạo, tính chất hóa học, vai trò của enzyme, glucid, protein, lipid, acid nucleic và quá trình chuyển hóa các chất trong cơ thể sống.	Khoa Môi trường và Khoa học tự nhiên
40	STA 151	Lý Thuyết Xác Suất & Thống Kê Toán	3	Môn học này trình bày những nội dung cơ bản về: Một số phân phối xác suất; Các tham số đo lường theo khuynh hướng định tâm: mean, median, mode, và midrange. Các tham số đo lường sự biến thiên: phương sai, độ lệch chuẩn; Kiểm định Z và kiểm định T; Kiểm định Chi-squared; Tương quan và Hồi quy tuyến tính.	Khoa Môi trường và Khoa học tự nhiên
41	BIO 220	Cơ Sở Di Truyền Học	1	Cơ sở di truyền học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về di truyền học tế bào, di truyền đơn gen, di truyền đa gen, đa nhân tố, di truyền phân tử, di truyền quần thể. Kết thúc môn học, sinh viên có khả năng tư vấn cho người bệnh về tỷ lệ di truyền bệnh cho thế hệ sau đối với một số bệnh cụ thể.	Y
42	ANA 201	Giải Phẫu học 1	2	Môn học này cung cấp các kiến thức cơ bản và chi tiết giải phẫu của các bộ phận trong cơ thể người. Mô tả được liên quan của từng bộ phận trong các hệ thống, các cơ quan của cơ thể. Nêu được tầm quan trọng của môn giải phẫu học là môn học cơ sở của tất cả các môn cơ sở và các môn lâm sàng trong y học. Ứng dụng các hiểu biết về giải phẫu học trong các môn y học khác và trong thực tế phòng bệnh, điều trị hướng tới việc chăm sóc sức khỏe ban đầu.	Y
43	ANA 202	Giải Phẫu học 2	2	Môn học này cung cấp các kiến thức cơ bản và chi tiết giải phẫu của các bộ phận trong cơ thể người. Mô tả được liên quan của từng bộ phận trong các hệ thống, các cơ quan của	Khoa Y

				<p>ơ thể. Nêu được tầm quan trọng của môn giải phẫu học là môn học cơ sở của tất cả các môn cơ sở và các môn lâm sàng trong y học. Ứng dụng các hiểu biết về giải phẫu học trong các môn y học khác và trong thực tế phòng bệnh, điều trị hướng tới việc chăm sóc sức khỏe ban đầu.</p>	
44	ANA 203	Mô Phôi	2	<p>Mô phôi cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cấu tạo hình thái vi thể của các mô và cơ quan, chủ yếu là những cơ quan bình thường của cơ thể người, mối liên hệ giữa cấu tạo và chức năng của các mô và cơ quan trong cơ thể cũng như giữa cơ thể với môi trường. Từ đó có thể giúp sinh viên học tốt những môn y học cơ sở và y học lâm sàng.</p>	Khoa Y
45	BIO 213	Sinh Lý Học	3	<p>Sinh lý học y học là môn học nghiên cứu về hoạt động chức năng của các tế bào, các cơ quan, hệ thống cơ quan, nghiên cứu cơ chế và sự điều hòa chức năng để đảm bảo cho cơ thể tồn tại, phát triển một cách bình thường và thích ứng được với sự biến đổi của môi trường sống, nghiên cứu xác định và đo lường giá trị các thông số hay chỉ số thực hiện chức năng của cơ thể trong trạng thái cơ thể bình thường.</p>	Khoa Y
46	MIB 251	Căn Bản Vi Sinh Học	3	<p>Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các tác nhân gây bệnh thuộc các loại vi sinh vật khác nhau bao gồm vi khuẩn và virus, khả năng lan truyền, cơ chế bệnh sinh, dịch tễ học các bệnh truyền nhiễm do vi sinh vật gây ra, các vi khuẩn đề kháng kháng sinh và cơ chế lan truyền gen kháng; đặc biệt là cơ chế miễn dịch của cơ thể người đáp ứng lại sự tấn công của các vi sinh vật. Đồng thời, môn học cũng cập nhật những tiến bộ khoa học kỹ thuật, ứng dụng sử dụng các chế phẩm miễn dịch trong chẩn đoán, phòng và điều trị các bệnh truyền nhiễm do tác nhân vi sinh vật gây ra.</p>	Khoa Y
47	MIB 253	Ký Sinh Trùng	1	<p>Ký sinh trùng học là một môn khoa học nghiên cứu về các loài ký sinh trùng, vật chủ của chúng và mối quan hệ giữa ký sinh trùng – vật chủ. Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức về đặc điểm sinh học, sinh thái học và chu kỳ phát triển của các loài ký sinh trùng chủ yếu gây bệnh ở người, cũng</p>	Khoa Y

				như chẩn đoán, phòng và điều trị các bệnh do ký sinh trùng trong y học.	
48	IMN 250	Sinh Lý Bệnh - Miễn Dịch	2	Sinh lý bệnh cung cấp kiến thức cơ bản về cơ chế phát sinh, phát triển và kết thúc của bệnh, nghiên cứu những thay đổi của cơ thể bị bệnh trong quá trình bệnh lý điển hình, những trường hợp bệnh lý cụ thể, phát hiện và mô tả những thay đổi về hoạt động chức năng của cơ thể, cơ quan, mô và tế bào khi chúng bị bệnh, từ đó rút ra những quy luật hoạt động của bệnh nói chung.	Khoa Y
49	PMY 300	Dược Lý Học cho Y	2	Dược lý học là môn học nghiên cứu về tương tác của thuốc lên cơ thể sống. Trong điều trị, việc dùng thuốc được an toàn, hiệu quả là công việc cần thiết. Do vậy sinh viên được học về cơ chế tác dụng, đặc điểm tác dụng của các nhóm thuốc, chỉ định điều trị, tác dụng không mong muốn, độc tính của thuốc là hết sức quan trọng. Từ những kiến thức cơ bản này sinh viên có thể hướng dẫn, sử dụng và theo dõi quá trình sử dụng thuốc cho bệnh nhân được an toàn, hợp lý. Sinh viên được học các vấn đề Dược lý đại cương, Dược lý chuyên đề: Thuốc tác dụng trên hệ thần kinh trung ương. Hóa học trị liệu. Thuốc tác dụng trên chuyển hóa. Điều trị ngộ độc thuốc cấp tính.	Khoa Y
50	SPM 302	Dịch Tế Học	2	Dịch tế học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Dịch tế học cơ sở và Dịch tế học các bệnh phổ biến. Gồm những khái niệm cơ bản về đo lường số đo Dịch tế học cũng như tiếp cận các loại thiết kế nghiên cứu Dịch tế học. Ngoài ra, môn học cung cấp những kiến thức về các bệnh phổ biến, cách phòng ngừa và nâng cao sức khoẻ.	Khoa Y
51	NTR 151	Dinh Dưỡng Học	2	Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các chất dinh dưỡng, những thực phẩm giàu chất dinh dưỡng, cách thức xây dựng khẩu phần ăn, cách đánh giá tình trạng dinh dưỡng. Từ đó sinh viên có khả năng vận dụng để xây dựng khẩu phần ăn cho người bệnh và đánh giá tình trạng dinh dưỡng của người bệnh. Kiến thức cơ bản về các chất dinh dưỡng, những thực phẩm giàu chất dinh dưỡng, cách thức xây dựng khẩu phần ăn, cách đánh giá tình	Khoa Y

				trạng dinh dưỡng. Từ đó sinh viên có khả năng vận dụng để xây dựng khẩu phần ăn cho người bệnh và đánh giá tình trạng dinh dưỡng của người bệnh.	
52	PSY 151	Đại Cương Tâm Lý Học	3	Môn học này cung cấp các kiến thức cơ bản về đời sống tâm lý của con người: bản chất của các hiện tượng tâm lý, những quy luật cơ bản của hoạt động nhận thức, tình cảm, ý chí..., những yếu tố tác động đến quá trình hình thành và phát triển nhân cách; đồng thời giúp cho người học phân tích, đánh giá các quy luật tác động đến hành vi tâm lý, là cơ sở để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong cuộc sống cũng như trong hoạt động nghề nghiệp sau này.	Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn
53	SPM 413	Tổ Chức Y Tế - Chương Trình Y Tế Quốc Gia	1	Tổ chức y tế Chương trình y tế Quốc Gia cung cấp những kiến thức cơ bản về hệ thống tổ chức ngành y tế Việt Nam, các chương trình mục tiêu y tế quốc gia, chăm sóc sức khỏe ban đầu, lập kế hoạch, theo dõi giám sát và đánh giá các hoạt động y tế.	Khoa Y
54	SOC 303	Dân Số Học - Kế Hoạch Hóa Gia Đình - Sức Khỏe Gia Đình	1	Dân số học – Kế hoạch hóa gia đình – Sức khỏe gia đình cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về dân số học, kế hoạch hoá gia đình, sức khỏe gia đình. Bao gồm những kiến thức về quy mô dân số, cơ cấu dân số, phân bố dân số và chất lượng dân số; biện pháp Chăm sóc Sức khỏe sinh sản; chăm sóc Sức khỏe sinh sản Vị thành niên; bảo vệ sức khỏe bà mẹ - trẻ em; làm mẹ an toàn; các biện pháp tránh thai; Ngoài ra, Môn học cũng giới thiệu hệ thống thống kê những dữ liệu chính về dân số, KHHGD và bảo vệ sức khỏe bà mẹ - trẻ em;	Khoa Y
55	NUR 296	Tranh Tài Giải Pháp PBL	1	Môn học này bao gồm các bài giảng về cách nhận định, phân tích và giải quyết vấn đề dưới dạng các bài tập, hoạt động được tổ chức tại lớp. Sinh viên tham gia làm việc theo nhóm để tìm hướng giải quyết vấn đề một cách tối ưu nhất. Mỗi nhóm sẽ trình bày kết quả thông qua một bài thuyết trình, một sản phẩm cụ thể hoặc một tình huống tự xây dựng.	Khoa Điều dưỡng
56	IMD 251	Nội Cơ Sở 1	2	Nội cơ sở là môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về cách tiếp xúc bệnh nhân, khai thác các triệu chứng cơ năng, thăm khám lâm sàng, phát hiện các triệu chứng thực thể, cơ chế bệnh sinh của các rối loạn	Khoa Y

				bệnh lý, các xét nghiệm cận lâm sàng, chẩn đoán bệnh nội khoa.	
57	SUR 251	Ngoại Cơ Sở 1	2	Môn học Ngoại cơ sở 1 cung cấp các kiến thức về cách khám bệnh ngoại khoa các cơ quan và mô tả các triệu chứng bệnh lý kèm theo. Các nội dung trình bày trong học phần này là những kiến thức kinh điển và đã được cập nhật nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết, làm cơ sở vững chắc trong việc khám bệnh lâm sàng.	Khoa Y
58	MCH 250	Sản & Nhi Cơ Sở	2	Sản và Nhi cơ sở là một môn học gồm 2 phần cơ bản: sản và nhi. Môn học này giúp sinh viên nhận biết được các biểu hiện bất thường về sản phụ khoa, những thay đổi giải phẫu sinh lý trước trong và sau sinh, một số thủ thuật về sản phụ khoa; những đặc điểm phát triển ở trẻ em, những biểu hiện bệnh lý và cách xử lý một số bệnh thường gặp ở trẻ em.	Khoa Y
59	NUR 251	Điều Dưỡng Cơ Bản 1	4	Môn Điều dưỡng cơ bản 1 cung cấp cho người học những kiến thức sơ lược về lịch sử ngành Điều dưỡng, giới thiệu các khái niệm và cấu trúc cơ bản của quy trình chăm sóc điều dưỡng, các quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản, sơ cứu ban đầu cũng như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng đưa ra quyết định sẽ được ứng dụng trong quá trình điều trị và chăm sóc người bệnh trên thực tế lâm sàng.	Khoa Điều dưỡng
60	NUR 300	Điều Dưỡng Cơ Bản 2	3	Điều dưỡng cơ bản 2 cung cấp những kiến thức lý thuyết cơ bản về học thuyết điều dưỡng, kiểm soát nhiễm khuẩn. Giới thiệu một số kỹ thuật điều dưỡng cơ bản, kỹ năng sơ cứu ban đầu và trợ giúp trong một số kỹ thuật nâng cao. Đồng thời phát triển kỹ năng cũng như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng đưa ra quyết định sẽ được ứng dụng trong quá trình điều trị và chăm sóc người bệnh trên thực tế lâm sàng.	Khoa Điều dưỡng
61	REM 400	Phục Hồi Chức Năng	2	Môn học này bao gồm các bài giảng về chuyên ngành phục hồi chức năng. Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về đại cương phục hồi chức năng, các thương tật thứ phát thường gặp, quá trình tàn tật và những biện pháp phòng ngừa, đại cương về xoa bóp, một số vấn đề trong chăm sóc của điều dưỡng đối với các bệnh bị tổn thương tuỷ sống, tổn thương não, người bệnh bị bỏng,	Khoa Điều dưỡng

				cắt cụt chi hay trẻ bị bại não. Trên cơ sở đó, sinh viên có thể hỗ trợ và trực tiếp tham gia vào công tác chăm sóc người bệnh khi đi thực tập tại các cơ sở y tế.	
62	NUR 313	Điều Dưỡng Cấp Cứu - Hồi Sức	2	Môn học “Điều dưỡng hồi sức cấp cứu” được biên soạn nhằm đào tạo cử nhân điều dưỡng. Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng cơ bản về chăm sóc người bệnh hồi sức cấp cứu. Nội dung môn học bao gồm: đánh giá - xử trí ban đầu bệnh nhân cấp cứu, chăm sóc các bệnh thường gặp trong hồi sức cấp cứu và các kỹ thuật điều dưỡng áp dụng trong hồi sức cấp cứu.	Khoa Điều dưỡng
63	NUR 302	Điều Dưỡng Nội 1	2	Môn học này bao gồm các bài giảng về chăm sóc thuộc chuyên ngành tim mạch, hô hấp, nội tiết. Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng của một số bệnh lý nội khoa về tim mạch, hô hấp, nội tiết thường gặp. Nội dung môn học tập trung vào hướng dẫn cách nhận định, chẩn đoán điều dưỡng và lập kế hoạch chăm sóc phù hợp với từng bệnh lý.	Khoa Điều dưỡng
64	NUR 402	Điều Dưỡng Nội 2	2	Môn học này bao gồm các bài giảng về chăm sóc thuộc chuyên ngành tiết niệu, cơ xương khớp, tiêu hóa. Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về nguyên nhân; triệu chứng; biến chứng của một số bệnh lý nội khoa về tiết niệu, cơ xương khớp, tiêu hóa thường gặp. Nội dung môn học tập trung vào hướng dẫn cách nhận định, chẩn đoán Điều dưỡng và lập kế hoạch chăm sóc phù hợp với từng bệnh lý.	Khoa Điều dưỡng
65	NUR 303	Điều Dưỡng Ngoại 1	2	Môn học này bao gồm các bài giảng về chăm sóc các bệnh lý về ngoại khoa thuộc chuyên ngành tiêu hóa, tiết niệu. Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về nguyên nhân, triệu chứng, tiến triển và biến chứng, hướng điều trị của các bệnh ngoại khoa về tiêu hóa, tiết niệu thường gặp. Trên cơ sở đó, sinh viên có thể nhận định và chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch chăm sóc phù hợp cho từng bệnh lý ngoại khoa. Do đó, sinh viên có thể hỗ trợ và trực tiếp tham gia vào công tác chăm sóc người bệnh khi đi thực tập tại các cơ sở y tế.	Khoa Điều dưỡng
66	NUR 403	Điều Dưỡng Ngoại 2	2	Môn học này bao gồm các bài giảng về chăm sóc các bệnh lý về ngoại khoa thuộc chấn thương, cơ xương khớp, ung thư,	Khoa Điều dưỡng

				bỏ. Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về nguyên nhân, triệu chứng, tiến triển và biến chứng, hướng điều trị của các bệnh ngoại khoa về chấn thương, cơ xương khớp, ung thư, bỏng thương gặp. Trên cơ sở đó, sinh viên có thể nhận định và chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch chăm sóc phù hợp cho từng bệnh lý ngoại khoa. Do đó, sinh viên có thể hỗ trợ và trực tiếp tham gia vào công tác chăm sóc người bệnh khi đi thực tập tại các cơ sở y tế.	
67	NUR 305	Điều Dưỡng cho gia đình có trẻ con 1	2	Môn học này cung cấp các kiến thức cơ bản và chuyên ngành về sự tăng trưởng thể chất, cách sử dụng thuốc, chế độ ăn cho trẻ, chăm sóc trẻ bị bệnh mắc một số bệnh lý.	Khoa Điều dưỡng
68	NUR 405	Điều Dưỡng cho gia đình có trẻ con 2	2	Môn học này cung cấp những kiến thức cơ bản và chuyên ngành về nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng và quy trình chăm sóc một số bệnh lý thường gặp ở trẻ em như: Bệnh lý về tiêu hóa, hô hấp, thận, tim mạch, thần kinh, nhiễm trùng.	Khoa Điều dưỡng
69	NUR 306	Điều Dưỡng cho gia đình có người già 1	2	Điều dưỡng cho gia đình có người già 1 bao gồm các bài giảng cung cấp kiến thức cơ bản về đại cương lão khoa, sự thay đổi tâm sinh lý người cao tuổi, hướng dẫn cách giao tiếp, cách thăm khám và cách chăm sóc một số vấn đề về thể chất và tinh thần cho người cao tuổi. Từ những kiến thức về lý thuyết, sinh viên có thể áp dụng để tiếp cận với người cao tuổi trên lâm sàng. Do đó, sinh viên có thể xử lý những nhu cầu chăm sóc của người cao tuổi trong các tình huống cụ thể khi đi thực tập tại các cơ sở y tế.	Khoa Điều dưỡng
70	NUR 406	Điều Dưỡng cho gia đình có người già 2	2	Môn học Điều dưỡng cho gia đình có người già 2 cung cấp các kiến thức cơ bản về quy trình chăm sóc điều dưỡng toàn diện cho người cao tuổi mắc các bệnh lý về tim mạch, thần kinh, cơ xương khớp, tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu, nội tiết. Trang bị cho sinh viên kiến thức, giúp sinh viên tiếp cận, xử lý những nhu cầu chăm sóc của người bệnh trong các tình huống cụ thể trên lâm sàng.	Khoa Điều dưỡng
71	NUR 423	Điều Dưỡng Chuyên Khoa Hệ Nội	2	Điều dưỡng chuyên khoa hệ Nội là môn học có 3 phần chính: Tâm thần, lao và da liễu. Môn học này bao gồm những bài giảng chăm sóc người bệnh tâm thần, lao và da liễu sẽ cung cấp cho sinh viên kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng, chẩn	Khoa Điều dưỡng

				đoán và chăm sóc người bệnh mắc các bệnh tâm thần, lao và da liễu. Trên cơ sở đó, sinh viên sẽ hỗ trợ và trực tiếp tham gia công tác chăm sóc người bệnh khi đi thực tập tại các cơ sở y tế.	
72	NUR 433	Điều Dưỡng Chuyên Khoa Hệ Ngoại	2	Điều dưỡng chuyên khoa hệ Ngoại gồm có 3 phần chính: Mắt, Tai Mũi Họng và Răng Hàm Mặt. Môn học này cung cấp các kiến thức cơ bản về giải phẫu, sinh lý, bệnh học và một số kỹ thuật, thủ thuật và quy trình điều dưỡng chăm sóc người bệnh mắc các bệnh thường gặp về tai mũi họng, mắt và răng hàm mặt.	Khoa Điều dưỡng
73	MGT 433	Quản Lý Điều Dưỡng	2	Quản lý điều dưỡng là môn học gồm 2 phần chính: Quản lý điều dưỡng và nghiên cứu khoa học điều dưỡng. Các nội dung của phần Quản lý điều dưỡng cung cấp kiến thức về tổ chức ngành điều dưỡng, công tác quản lý điều dưỡng. Các nội dung của phần Nghiên cứu khoa học giới thiệu về nghiên cứu khoa học của ngành điều dưỡng, quy trình thực hiện đề tài nghiên cứu điều dưỡng. Từ đó giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học vào công tác quản lý của người điều dưỡng trên lâm sàng, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề và quản lý thời gian hiệu quả, tiến hành các nghiên cứu khoa học và thực hành dựa vào bằng chứng.	Khoa Điều dưỡng
74	MED 362	Y Học Cổ Truyền	2	Môn học cung cấp thông tin cho sinh viên những nội dung cơ bản của một số học thuyết Y học cổ truyền, những nguyên tắc cơ bản về chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh theo Y học cổ truyền, thực hành chẩn đoán và chữa một số bệnh thông thường bằng Y học cổ truyền tại tuyến y tế cơ sở, làm các thủ thuật xoa bóp, bấm huyệt, châm cứu.	Khoa Y
75	NTR 413	Tiết chế	1	Môn Tiết chế cung cấp cho sinh viên những nguyên tắc chính trong chế độ ăn cho người bệnh, cách thức lựa chọn thực phẩm cho từng người bệnh cụ thể. Sau khi kết thúc môn học, sinh viên có thể tư vấn về chế độ dinh dưỡng đối với từng đối tượng bệnh cụ thể, giúp rút ngắn thời gian nằm viện, góp phần nâng cao chất lượng điều trị.	Khoa Y
76	NUR 396	Tranh Tài Giải Pháp PBL	1	PBL (Project-based learning) – học tập dựa vào dự án là phương pháp học tập tích cực, người học cùng với nhóm của mình sẽ thực hiện một dự án về vấn đề được quan tâm.	Khoa Điều dưỡng

				Các nội dung của môn học tập trung giới thiệu về phương pháp học tập dựa vào dự án, quy trình học dựa vào dự án, cách xác định đề tài Technology in Education nghiên cứu, các bước lập kế hoạch và triển khai thực hiện dự án khoa học. Sản phẩm cuối cùng là một báo cáo nghiên cứu khoa học được đánh giá theo các tiêu chí cụ thể.	
77	NUR 248	Thực Tập Điều Dưỡng I	3	Môn học này cung cấp thực hành về các kỹ thuật điều dưỡng, làm quen với môi trường bệnh viện, công việc của từng khoa phòng.	Khoa Điều dưỡng
78	NUR 498	Thực Tập tốt nghiệp	2	Môn học này tạo điều kiện cho sinh viên tiếp cận với công việc thực tế tại các cơ sở y tế, vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề trên lâm sàng, thực hành các kỹ năng của người điều dưỡng một cách thành thạo, xây dựng được kế hoạch chăm sóc người bệnh mắc các bệnh lý. Đồng thời tạo điều kiện cho sinh viên thực hiện đề tài tốt nghiệp.	Khoa Điều dưỡng
79	NUR 495	Thi TN	3	Môn học được chia làm ba phần chính, trong đó Chương 1 tập trung cung cấp các kiến thức cơ bản về nguyên nhân, triệu chứng, tiến triển và biến chứng của một số bệnh lý truyền nhiễm thường gặp, từ đó sinh viên có thể đưa ra nhận định, chẩn đoán Điều dưỡng và lập kế hoạch chăm sóc phù hợp với từng bệnh lý truyền nhiễm. Chương 2 giới thiệu về các nội dung cơ bản trong kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện, các công tác nhằm đảm bảo kiểm soát nhiễm khuẩn, vai trò và nhiệm vụ của người điều dưỡng trong kiểm soát nhiễm khuẩn. Chương 3 tập trung vào vấn đề an toàn người bệnh, cung cấp những kiến thức về các sai sót chuyên môn, sự cố y khoa thường gặp, nguyên nhân và giải pháp để hạn chế sai sót chuyên môn và sự cố y khoa có thể xảy ra trong các cơ sở khám chữa bệnh.	Khoa Điều dưỡng
80	NUR 499	Khóa luận tốt nghiệp	3	Học phần này trang bị cho người học các kiến thức và các kỹ năng, phương pháp nghiên cứu khoa học, vận dụng các kiến thức về lý thuyết điều dưỡng và thực hành, thực tập lâm sàng đã học để hoàn thành đề tài nghiên cứu đã chọn.	Khoa Điều dưỡng

11. Các chương trình đào tạo được tham khảo:

Chương trình khung giáo dục đại học khối ngành Khoa học sức khỏe ngành Điều dưỡng trình độ Đại học năm 2012 (Ban hành kèm theo TT số 01/2012/TT-BGDĐT ngày 13/12/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT).

Chuẩn năng lực cơ bản của điều dưỡng Việt Nam, theo Quyết định số: 3474/QĐ-BYT ngày 28/12/2022.

Chuẩn đạo đức nghề nghiệp điều dưỡng viên ban hành kèm theo Quyết định số 20/QĐ -HDD ngày 10 tháng 09 năm 2012 của Chủ tịch Hội điều dưỡng Việt Nam.

Chương trình đào tạo đại học Điều dưỡng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ trường Đại học Điều dưỡng Nam Định (Tham khảo phần học phần đại cương ngành).

Chương trình đào tạo đại học Điều dưỡng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ trường Đại học Phenikaa (Tham khảo phần học phần khung chương trình).

Chương trình đào tạo Bachelor of Science in Nursing của Đại học Mahidol (Tham khảo phần khung chương trình).

12. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Chương trình chi tiết đào tạo Cử nhân Điều dưỡng được Bộ Giáo dục & Đào tạo và Bộ Y tế thống nhất ban hành thực hiện ở tất cả các trường đại học có đào tạo ngành Điều dưỡng, phục vụ cho việc đào tạo Cử nhân Điều dưỡng Đa khoa. Chương trình gồm 140 tín chỉ. Việc triển khai chi tiết thực hiện chương trình và giám sát chất lượng chuyên môn do Bộ Y tế chỉ đạo thực hiện.

Trên cơ sở các học phần bắt buộc và tự chọn (đặc thù) đã được phê duyệt, trường/khoa đã biên soạn chương trình chi tiết từng môn học/học phần và trình Bộ Giáo dục & Bộ Y tế ký ban hành thực hiện.

12.1. Yêu cầu về cơ sở vật chất

a) Có cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện, giáo trình đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đáp ứng yêu cầu về cơ sở vật chất theo quy định của chuẩn chương trình đào tạo của lĩnh vực, nhóm ngành, ngành đào tạo và các quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT;

b) Có đủ phòng học, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, cơ sở sản xuất thử nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin, hệ thống quản lý hỗ trợ học tập, quản lý đào tạo cùng các thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học theo yêu cầu của chương trình đào tạo, phù hợp với quy mô đào tạo ở từng trình độ đào tạo và có kế hoạch sử dụng phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành với diện tích và các thiết bị cụ thể của từng phòng thí nghiệm, thực hành phù hợp với số lượng sinh viên thực hành, thí nghiệm tại mỗi bàn và mỗi thiết bị trong mỗi phòng thí nghiệm, phòng thực hành, phù hợp với quy mô đào tạo theo yêu cầu của chương trình đào tạo cho từng năm học của khóa học;

c) Có hợp đồng hợp tác đào tạo thực hành, thực tập với các cơ sở thực hành, thực tập bên ngoài nhà trường phù hợp với kế hoạch giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học cho toàn khóa học; các cơ sở thực hành đối với ngành đào tạo thuộc lĩnh vực sức khỏe có hợp đồng nguyên tắc về đào tạo thực hành bảo đảm tuân thủ theo quy định của Chính phủ về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe;

d) Có thư viện truyền thống và thư viện điện tử bảo đảm đủ giáo trình, tài liệu hỗ trợ giảng dạy, học tập, nghiên cứu của giảng viên và người học; có bản quyền truy cập cơ sở dữ liệu trong nước về sách, tạp chí khoa học liên quan đến ngành đào tạo, đáp ứng yêu cầu của ngành và trình độ đào tạo, phù hợp với quy mô đào tạo; có bản quyền truy cập cơ sở dữ liệu quốc tế về sách, tạp chí khoa học liên quan đến ngành đào tạo, đáp ứng yêu cầu của ngành và trình độ đào tạo, phù hợp với quy mô đào tạo;

đ) Có trang thông tin điện tử đăng tải đầy đủ thông tin yêu cầu phải công khai theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

12.2. Điều kiện dạy trực tuyến

Đáp ứng các yêu cầu, điều kiện tối thiểu theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo để sẵn sàng chuyển sang dạy học trực tuyến bảo đảm chất lượng đào tạo theo quy định.

12.3. Liên thông

Bảo đảm tính liên thông với chuẩn đầu vào của trình độ đào tạo cao hơn (nếu có), đồng thời tạo cơ hội liên thông ngang giữa các chương trình cùng trình độ đào tạo, nhất là giữa các chương trình thuộc cùng nhóm ngành hoặc cùng lĩnh vực.

Trường Đại học Duy Tân
Hiệu trưởng